

Bản án số: **119/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 14/7/2022

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và bà Hà Thị Vinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 14/7/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2022, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/6/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Khắc L**, sinh năm 1990

- Bị đơn: Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã X, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Khắc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị L tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 28/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống chung cùng gia đình nhà anh tại thôn V, xã X, huyện Yên Sơn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Anh và chị L sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Khắc Khiêm, sinh ngày 15/9/2014 và cháu Nguyễn Khánh Nhi, sinh ngày 06/12/2016, hiện nay cháu Khiêm và cháu Nhi đang ở với anh, sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung .

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L xác định, anh và chị L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý, giấy triệu tập nhưng chị L không đến Tòa án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, Tòa án đã tiến hành đi xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương được biết, chị Trần Thị L có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã X, huyện Yên Sơn, nhưng hiện vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các tài liệu khác tại địa phương nơi chị L cư trú để chị L đến Tòa án giải quyết vụ án, nhưng chị L đều vắng mặt và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án không tiến hành phiên hòa giải và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện: Về quan hệ hôn nhân, anh Nguyễn Khắc L và chị Trần Thị L là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 28/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là do hai bên tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh L, chị L sống chung cùng gia đình nhà anh L tại thôn V, xã X, huyện Yên Sơn. Thời gian đầu vợ chồng anh L, chị L sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống, anh L và chị L sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Hiện vợ chồng anh L và chị L không còn tồn tại một gia đình, hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung, vợ chồng anh L, chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Khắc Khiêm, sinh ngày 15/9/2014 và cháu Nguyễn Khánh Nhi, sinh ngày 06/12/2016, hiện nay cả cháu Khiêm và cháu Nhi đang ở với anh L. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng anh L, chị L không có tài sản chung, không có nợ chung. Về hộ khẩu thường trú, anh L và chị L đều có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã X, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay chị L đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà, khi đi làm ăn chị L không thông báo tạm trú, tạm vắng nên gia đình và địa phương không biết hiện chị L đang làm gì, ở đâu. Về thu nhập bình quân, anh L có thu nhập bình quân từ 250.000 đồng đến 300.000 đồng/ngày, còn thu nhập của chị L địa phương không nắm được vì chị L đi làm ăn xa.

Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày, về quan hệ hôn nhân, anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho anh được ly hôn với chị Trần Thị L. Về con chung, Anh và chị L có 02

con chung là cháu Nguyễn Khắc Khiêm, sinh ngày 15/9/2014 và cháu Nguyễn Khánh Nhi, sinh ngày 06/12/2016, hiện nay cháu Khiêm và cháu Nhi đang ở với anh, sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Khiêm và cháu Nhi, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho anh Nguyễn Khắc L được ly hôn với chị Trần Thị L. Về con chung, giao cháu Nguyễn Khắc Khiêm, sinh ngày 15/9/2014 và cháu Nguyễn Khánh Nhi, sinh ngày 06/12/2016 cho anh Nguyễn Khắc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, anh L xác định không có nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí, anh Nguyễn Khắc L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Nguyễn Khắc L và bị đơn chị Trần Thị L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Trần Thị L có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã X, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang nên anh L khởi kiện xin ly hôn với chị L là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ với chính quyền địa phương được biết, chị L có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn V, xã X, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Địa phương cho biết, chị L có biết việc anh L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng chị L không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Chị L đi làm ăn ở xa nhưng không báo địa chỉ mới nên Công an, địa phương cũng như gia đình không nắm được. Việc giao các tài liệu của Tòa án cho chị L không thể thực hiện được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại địa phương nơi chị L cư trú để chị L đến Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nhưng chị L không đến Tòa án giải quyết vụ việc, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải chị L vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không nộp các văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các chứng cứ kèm theo. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Khắc L và chị Trần Thị L là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 28/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là do hai bên tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh L, chị L sống chung cùng gia đình nhà anh L tại thôn V, xã X, huyện Yên Sơn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống, anh L và chị L sống ly thân từ năm 2021 đến nay nên không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh L và chị L, Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của anh L là có căn cứ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L. Xử cho anh Nguyễn Khắc L được ly hôn với chị Trần Thị L là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh L, chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Khắc Khiêm, sinh ngày 15/9/2014 và cháu Nguyễn Khánh Nhi, sinh ngày 06/12/2016, hiện nay cháu Khiêm và cháu Nhi đang ở với anh L. Xét về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung sau khi ly hôn và xét về điều kiện, hoàn cảnh để nuôi con chung thì anh L và chị L có quyền, nghĩa vụ và điều kiện, hoàn cảnh như nhau. Nhưng hiện nay chị L đi làm ăn xa chỉ thỉnh thoảng mới về nhà, không thường xuyên quan tâm, chăm sóc được con chung như anh L, như vậy, chị L không đảm bảo điều kiện để nuôi con chung bằng anh L nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, giao cháu Nguyễn Khắc Khiêm, sinh ngày 15/9/2014 và cháu Nguyễn Khánh Nhi, sinh ngày 06/12/2016 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Khắc L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Khắc L phải nộp án phí theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L không phải chịu án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Khắc L được ly hôn với chị Trần Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khắc Khiêm, sinh ngày 15/9/2014 và cháu Nguyễn Khánh Nhi, sinh ngày 06/12/2016 cho anh Nguyễn Khắc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Khắc L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003985, ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Khắc L và chị Trần Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Xuân Vân (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Ngọc - Lộc Thị Kim Thơm

Nguyễn Xuân Thủy

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Sơn Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Thủy

